

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Thiết kế tủ điều khiển (228230) - Nhóm 01**

CBGD: **Nguyễn Việt Khoa (280021)**

Số SV có mặt: 33

Số bài thi: 33

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Ok</i> Nguyễn Văn Khoa	<i>Ok</i> Nguyễn Lê Nhật Tuyền	<i>Ok</i> Nguyễn Văn Khoa	<i>Ok</i> Nguyễn Lê Nhật Tuyền

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120150002	LÊ TUẤN ANH	11/08/2002	CCQ2015A			<i>Anh</i>	8,8	8,3	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120150001	VÕ ĐỨC ANH	17/08/2002	CCQ2015A			<i>Anh</i>	8,3	8,5	8,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120150050	NGUYỄN MINH CUNG	14/08/2002	CCQ2015B			<i>Cung</i>	8,5	7,8	8,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120150005	LÊ CÔNG DANH	16/04/2002	CCQ2015A			<i>Pauls</i>	8,3	6,8	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120150006	LÊ HẢI DUY	07/11/2002	CCQ2015A							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120150037	VÕ PHƯƠNG ĐÌNH	08/04/2002	CCQ2015B			<i>Đình</i>	8,3	7,3	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120150011	TẠ HUY HÙNG	15/07/1998	CCQ2015A			<i>Hùng</i>	8,5	8,8	8,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120150051	VÕ THÀNH HUY	05/11/2002	CCQ2015B			<i>Thành</i>	7,8	7,3	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2118150030	NGUYỄN CHÁNH HƯNG	06/03/2000	CCQ1815A			<i>Hưng</i>	8,3	8,5	8,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120150038	LÊ TRỌNG HỮU	30/11/2002	CCQ2015B			<i>Hữu</i>	9,0	9,3	9,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120150012	LÊ TRƯƠNG NHẬT KHA	01/10/2001	CCQ2015A			<i>Kha</i>	9,3	9,3	9,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120150015	LÊ QUỐC KHÁNH	09/09/2002	CCQ2015A			<i>Khánh</i>	8,5	7,0	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120150014	NGUYỄN MINH KHÁNH	03/08/2002	CCQ2015A			<i>Khánh</i>	8,8	7,3	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120150017	TRẦN CÔNG MẠNH	06/05/2002	CCQ2015A			<i>Manh</i>	8,3	7,5	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2118150044	NGUYỄN VĂN MINH	31/08/2000	CCQ1815A			<i>Minh</i>	7,8	7,0	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2118150048	TRƯƠNG KHÁNH NGUYỄN	11/07/2000	CCQ1815A							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120150022	TRẦN HỮU SANG	21/06/2001	CCQ2015A							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120150039	BÙI LƯƠNG VĂN PHÚC	24/09/2002	CCQ2015B			<i>Phuc</i>	8,3	6,8	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120150052	NGUYỄN ĐẠI PHÚC	26/06/2001	CCQ2015B			<i>Phuc</i>	7,8	7,0	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2120150044	NGUYỄN DUY QUANG	19/09/1999	CCQ2015B			<i>Quang</i>	8,5	8,3	8,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

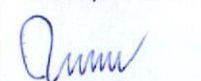
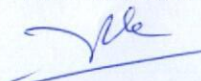
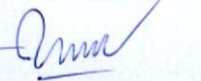
Môn học: **Thiết kế tủ điều khiển (228230) - Nhóm 01**

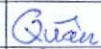
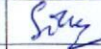
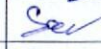
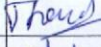
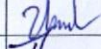
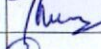
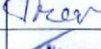
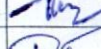
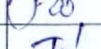
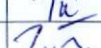
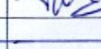
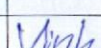
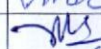
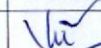
CBGD: **Nguyễn Việt Khoa (280021)**

Số SV có mặt: 33

Số bài thi: 33

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 Nguyễn Việt Khoa	 Nguyễn Lê Nhật Tuyền	 Nguyễn Việt Khoa	 Nguyễn Lê Nhật Tuyền

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120150045	VÕ MINH QUÂN	03/01/2002	CCQ2015B				8,0	8,3	8,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2120150024	NGUYỄN NGỌC QUYỀN	11/02/2002	CCQ2015A				7,8	7,3	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2120150025	NGUYỄN NGỌC SƠN	05/02/2002	CCQ2015A				8,5	7,5	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2120150026	NGUYỄN VĂN TÂN	02/05/2002	CCQ2015A				7,8	7,0	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2120150027	NGUYỄN MINH THANH	15/08/2002	CCQ2015A				8,3	7,8	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2120150053	TRẦN ĐÌNH THÀNH	13/04/2002	CCQ2015B				7,5	7,0	7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2120150028	LÊ XUÂN THƯƠNG	29/08/2001	CCQ2015A				7,3	7,5	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2118150080	NGUYỄN VĂN TRỌNG	25/09/2000	CCQ1815A				8,3	7,8	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2120150047	NGUYỄN VĂN TRUNG	16/08/2002	CCQ2015B				8,8	8,3	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2118150087	NGUYỄN ANH TÚ	07/10/2000	CCQ1815A				7,8	7,3	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2120150032	PHẠM HUỲNH ANH TÚ	05/05/2002	CCQ2015A				7,8	7,0	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2120150054	BÙI MINH TUẤN	01/09/2002	CCQ2015B				9,0	9,3	9,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2120110033	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	04/10/2002	CCQ2015B				8,8	9,3	9,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2120150055	TRẦN VĂN VÀNG	29/05/2002	CCQ2015B							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2120150033	HỒ ĐỨC VINH	10/03/2002	CCQ2015A				8,3	7,0	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2120150034	HUỲNH HOÀNG VINH	10/04/2002	CCQ2015A				8,3	8,5	8,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2120150035	TRẦN QUỐC VŨ	20/06/2002	CCQ2015A				7,8	8,3	8,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9